TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 437/2024/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 28 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C – THÀNH PHỐ H

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 534/2024/TLST-VHNGĐ về "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" ngày 07 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn T.B.N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện S, thành phố H.

Và anh Trần N.T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 9 ngõ 11 đường 800A, Viện L, phường N, quận C, Thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Nguyễn T.B.N và anh Trần N.T tụ nguyện kết hôn, có đăng kí kết hôn tại UBND phường N, quận C, H năm 2021. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, gay gắt không thể giải quyết được do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không thể hòa giải được. Nay anh chị xác định mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn nên được Tòa án chấp nhận.

***2. Về con chung**:* Chị Nguyễn T.B.N và anh Trần N.T cùng thống nhất xác định anh chị không có con chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***3. Về tài sản chung (Động sản và bất động sản, nhà ở)**:* Chị Nguyễn T.B.N và anh Trần N.T cùng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Chị Nguyễn T.B.N và anh Trần N.T cùng thống nhất anh chị không vay nợ ai và không ai nợ gì anh chị. Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về lệ phí HNGĐST: Chị Nguyễn T.B.N chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn T.B.N về việc chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của anh Trần N.T. Tổng cộng là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí chị Nguyễn T.B.N đã nộp theo biên lai thu số 0046648 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C. Nay chuyển thành lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn của đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn T.B.N và anh Trần N.T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn T.B.N và anh Trần N.T cùng thống nhất xác định anh chị không có con chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung (Động sản và bất động sản, nhà ở): Chị Nguyễn T.B.N và anh Trần N.T cùng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị Nguyễn T.B.N và anh Trần N.T cùng thống nhất anh chị không vay nợ ai và không ai nợ gì anh chị. Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về lệ phí HNGĐST: Chị Nguyễn T.B.N chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của

chị Nguyễn T.B.N về việc chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của anh Trần N.T. Tổng cộng là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí chị Nguyễn T.B.N đã nộp theo biên lai thu số 0046648 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C. Nay chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân quận C, TP. H;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận C, TP. H;
- UBND phường N, quận C, thành phố H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2021 ngày 08/7/2021);
- Các đương sự;
- Lưu VP; Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thu Hằng